CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP An Trường An

Ngày 30/09/2025	8,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	36.5%	**132.4**	**186.7**

DT thuần
Q3/25
53.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 50.4| 1555%
YoY: ▲ 48.5| 947%

LN thuần
Q3/25
2.49
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.41| 130%
YoY: ▲ 2.87| 755%

LN sau thuế
Q3/25
29.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 28.7| 2934%
YoY: ▲ 30.1| 7924%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
55.5%
YoY: +/-▲ 23.0%

ROE (TTM)
Q3/25
187%
YoY: +/-▲ 311%

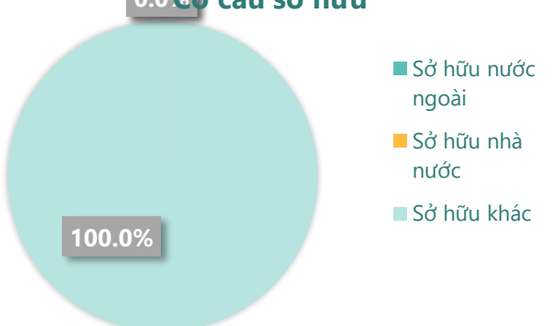
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	1,900 - 8,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	
Số lượng CPLH (CP)	
KLGD BQ 20 phiên (CP)	77,040
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	
EPS	
P/E	

DT thuần
9T 2025
56.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 44.0| 344%

LN thuần
9T 2025
2.85
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.82| 176%

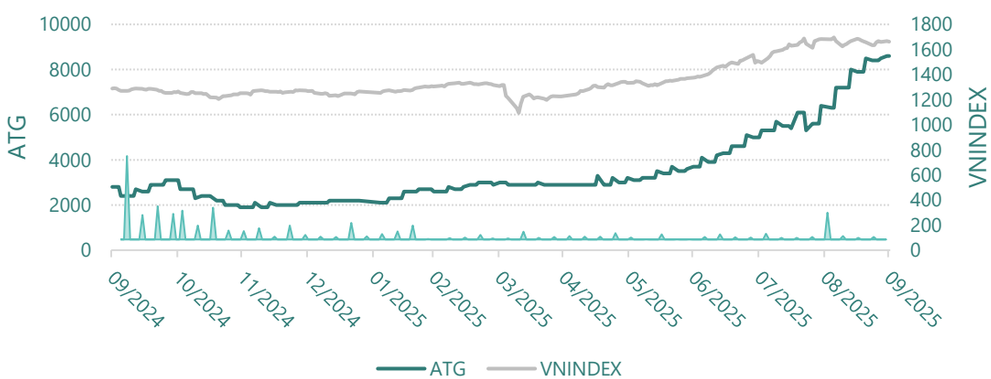
LN sau thuế
9T 2025
30.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 29.2| 3767%

Cơ cấu sở hữu

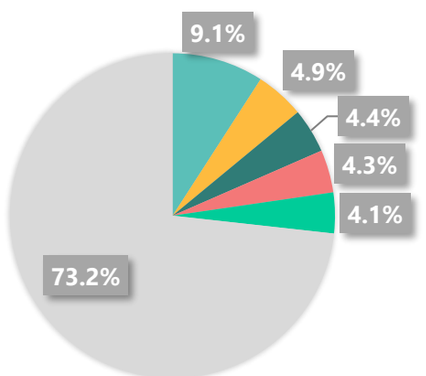


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

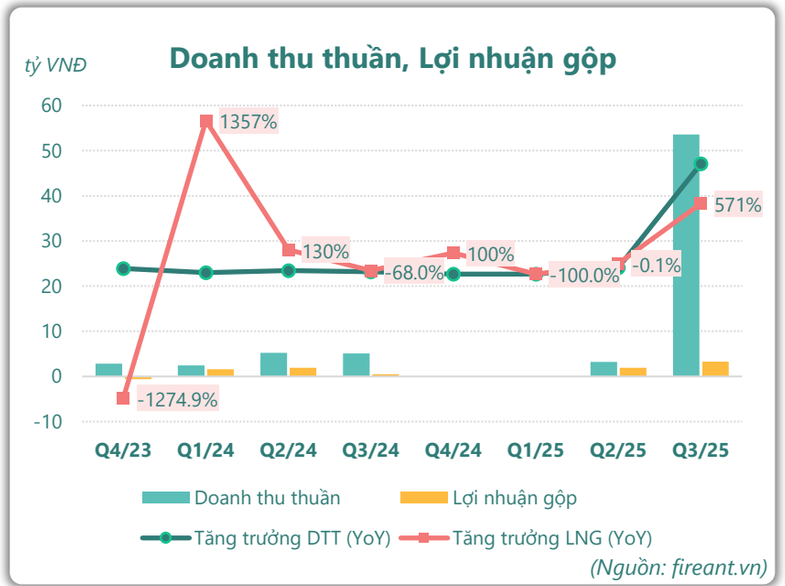


Cơ cấu cổ đông

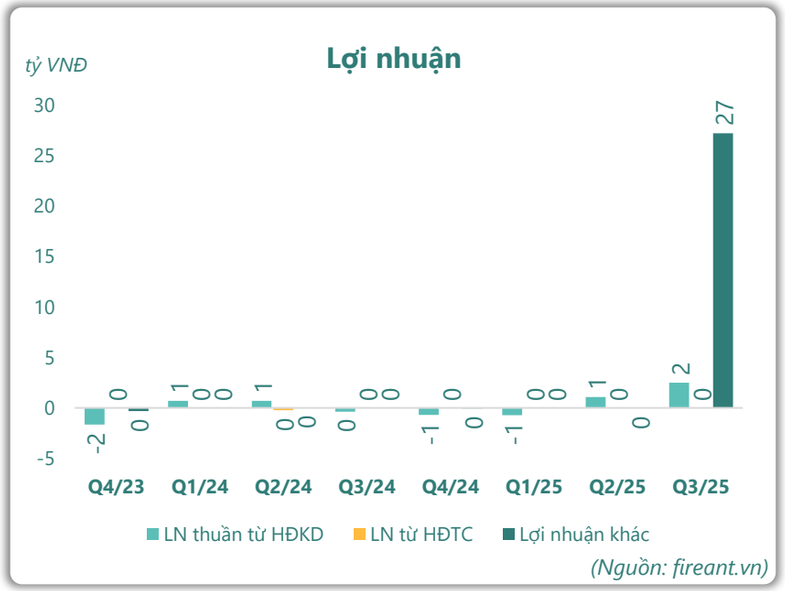


(Nguồn: fireant.vn)

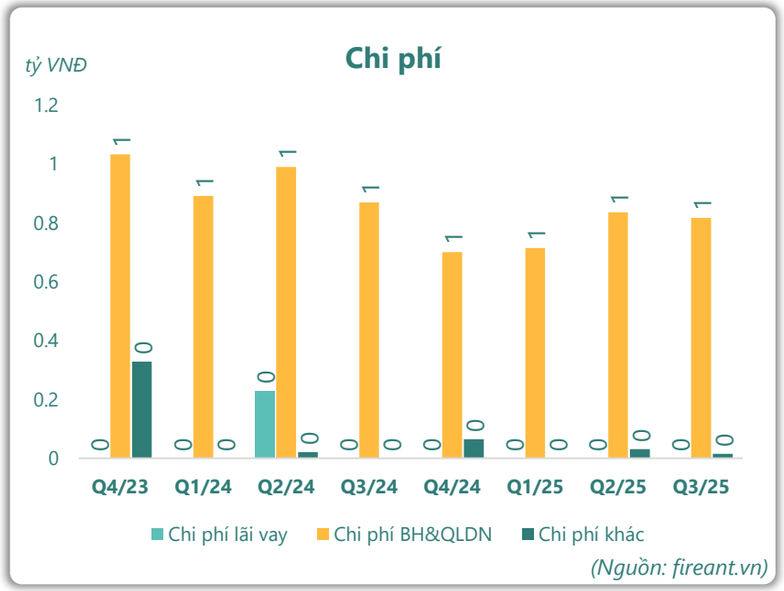
KẾT QUẢ KINH DOANH



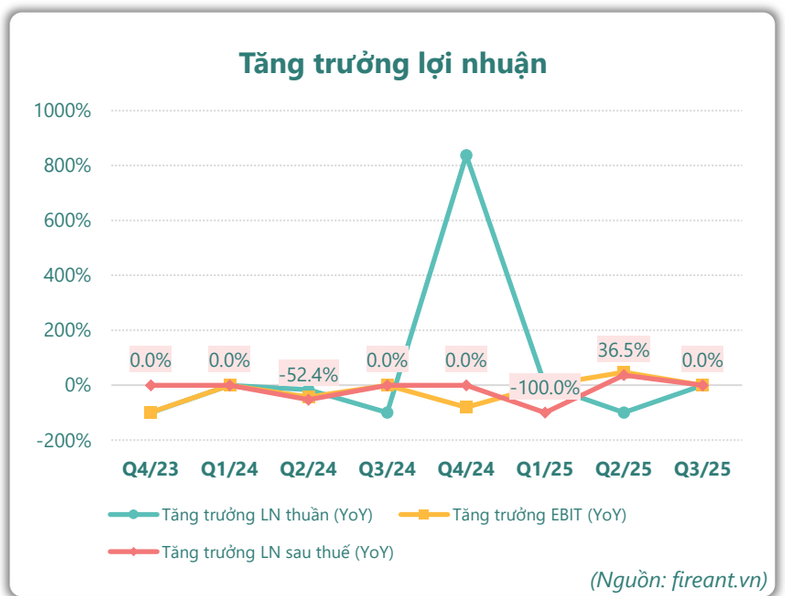
(Nguồn: fireant.vn)



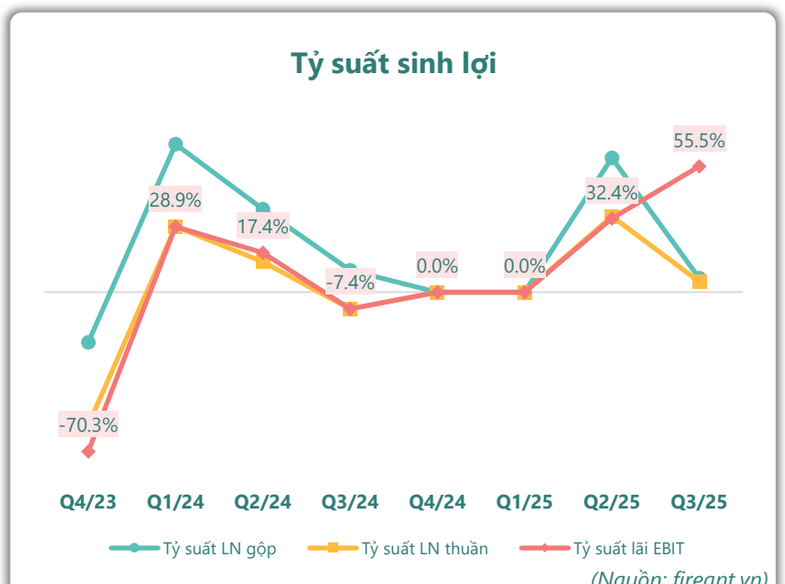
(Nguồn: fireant.vn)



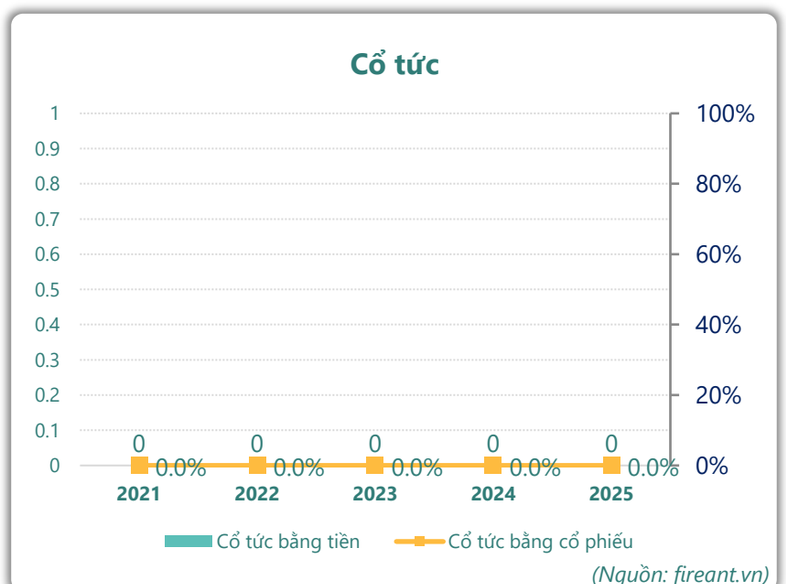
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



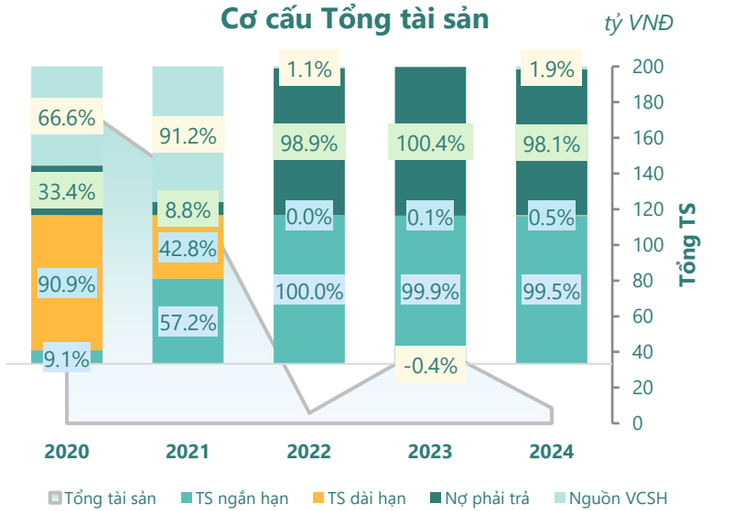
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

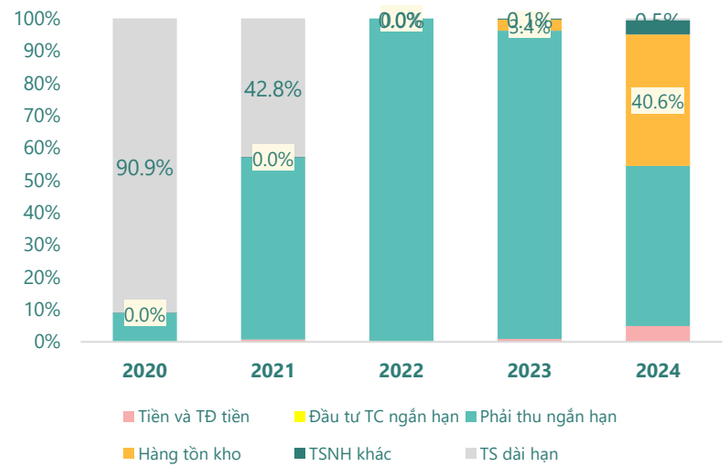
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



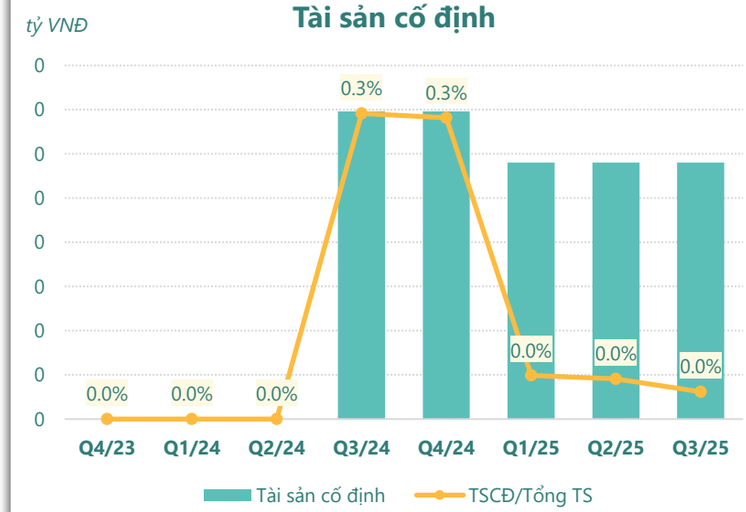
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



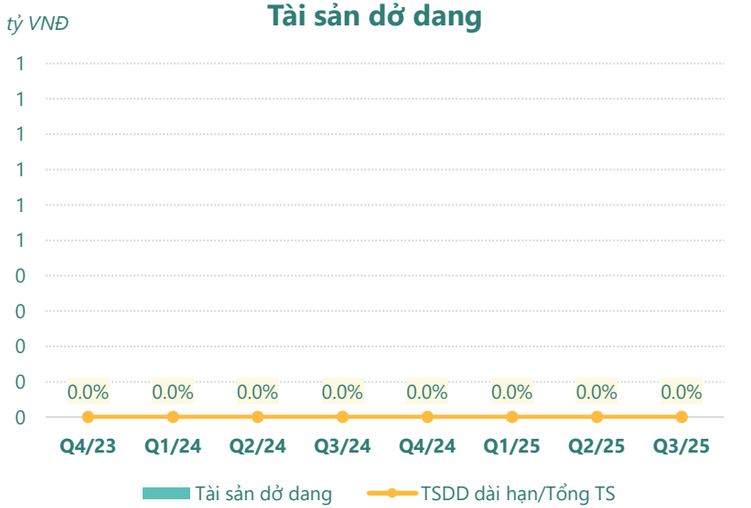
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



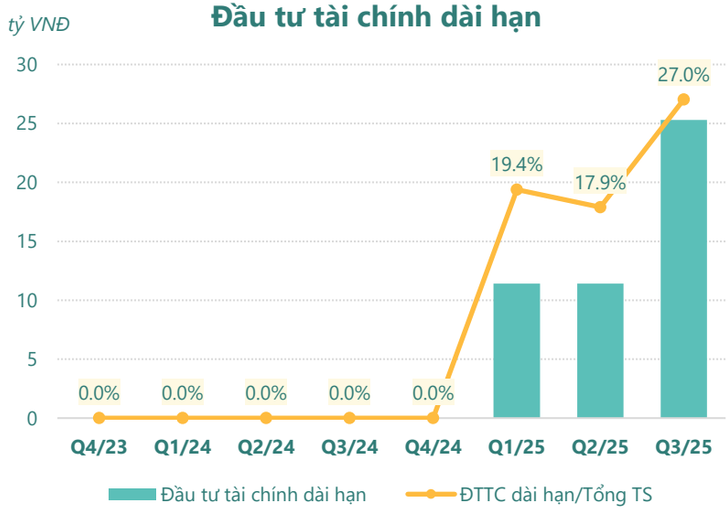
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



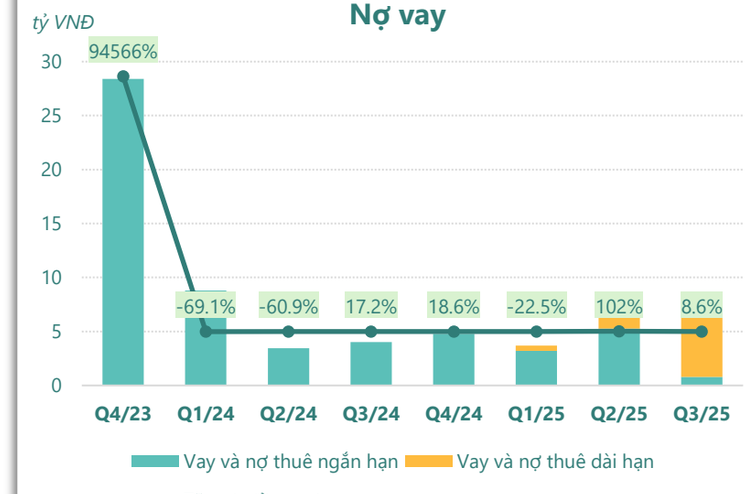
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

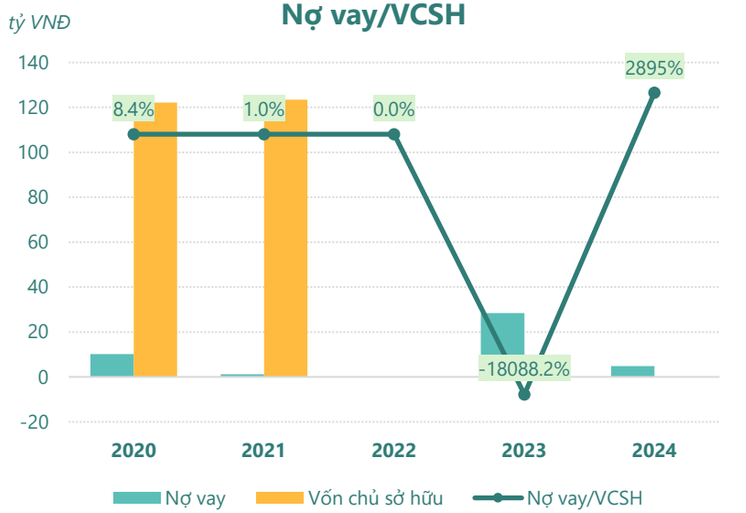
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

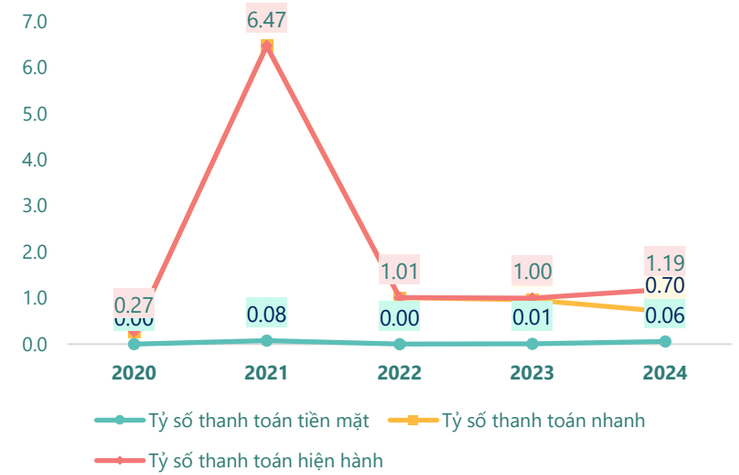
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



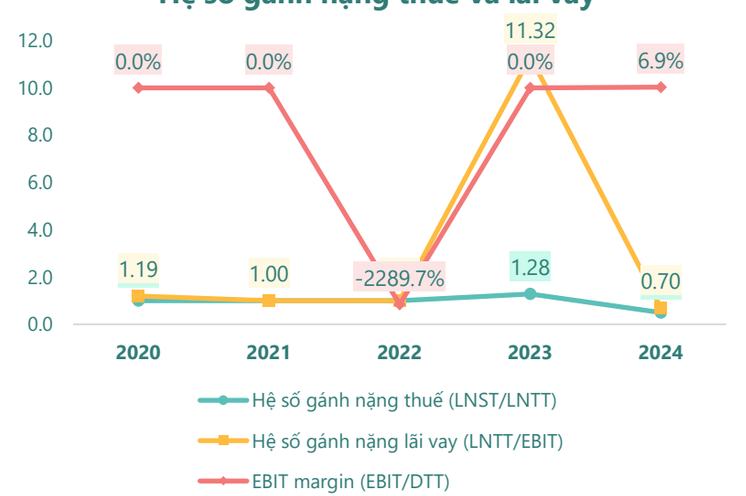
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



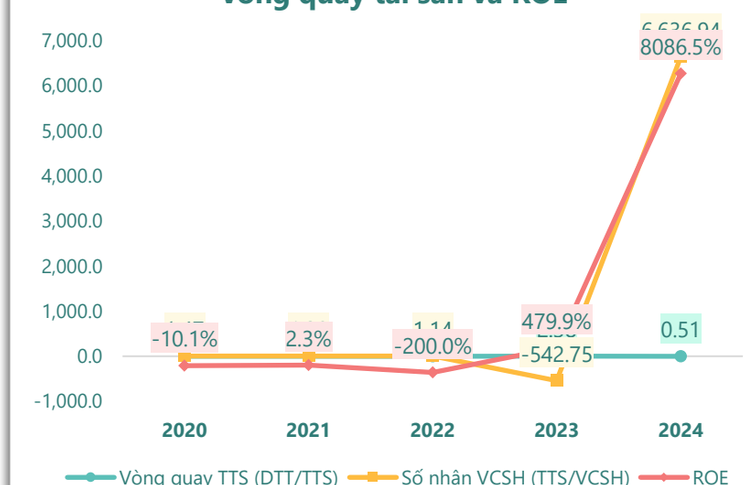
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



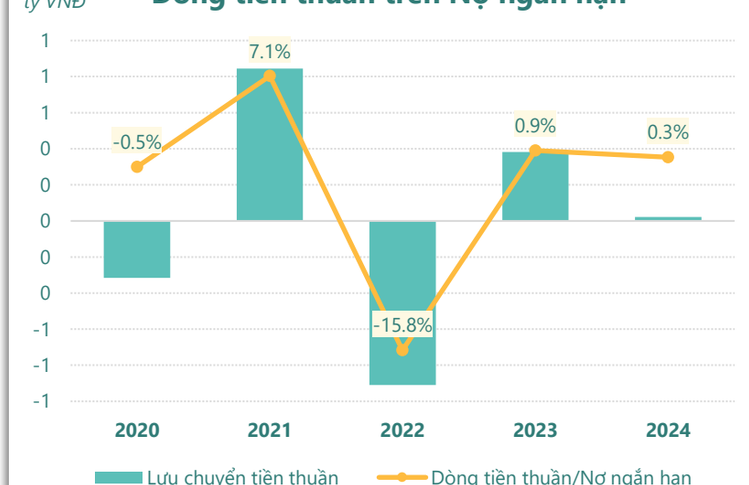
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**53.6**	**5.12**	**947%**	**56.8**	**12.8**	**344%**
Giá vốn hàng bán	50.3	4.63	986%	51.6	8.80	487%
Lợi nhuận gộp	3.30	0.49	574%	5.22	4.01	30.1%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.00	-5.6%
Chi phí TC	0	0.00		0	0.23	-100%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0.23	-100%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.02	0.00		0.02	0.04	-54.6%
Chi phí QLDN	**0.80**	**0.87**	**-8.0%**	**2.35**	**2.72**	**-13.4%**
LN thuần từ HĐKD	2.49	-0.38	755%	2.85	1.03	176%
Lợi nhuận khác	**27.2**	**0.00**		**27.2**	**-0.02**	**128607%**
LN trước thuế	29.7	-0.38	7924%	30.1	1.01	2870%
Lợi nhuận sau thuế	**29.7**	**-0.38**	**7924%**	**30.0**	**0.78**	**3767%**
LNST của CĐ cty mẹ	**29.7**	**-0.38**	**7924%**	**30.0**	**0.78**	**3767%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	4.41	-1.13	-0.68	12.3	-2.92	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	-0.04	0	-11.4	0.00	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-5.35	0.59	0.75	-1.08	3.79	0
Tiền đầu kỳ	1.86	0.92	0.34	0.42	0.26	0
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.94**	**-0.58**	**0.07**	**-0.16**	**0.87**	**0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.92	0.34	0.42	0.26	1.13	0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**93.6**	**8.56**	**994%**
Tài sản ngắn hạn	56.8	8.51	568%
Tiền và tương đương tiền	0.28	0.42	-33.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	20.4	4.24	382%
Hàng tồn kho	25.8	3.47	643%
Tài sản ngắn hạn khác	10.3	0.38	2602%
Tài sản dài hạn	**36.7**	**0.05**	**81143%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0.03	0.03	0.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	25.3	0	
Tài sản dài hạn khác	**11.4**	**0.02**	**70270%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	62.9	8.39	650%
Nợ ngắn hạn	**3.81**	**7.15**	**-46.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.80	3.54	-77.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	-0.69	0.34	-302%
Nợ dài hạn	59.1	1.24	4669%
Vay và nợ thuê dài hạn	7.33	1.24	492%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**30.6**	**0.16**	**18462%**
Vốn chủ sở hữu	**30.6**	**0.16**	**18462%**
Vốn điều lệ	152	152	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)